

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2017/DS-ST
Ngày 03 tháng 8 năm 2017
*V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Trường Giang.
2. Bà Lê Lưu Hồng Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quốc Chương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Th. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông.

2. *Bị đơn:* Ông Khảm Văn T, bà Nguyễn Thị Pha Nh. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ M, phường N, thị xã P, tỉnh Đắk Nông.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Lệ Th. Vắng mặt.

Anh Nguyễn Thành Đ. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Lan A. Vắng mặt.

Chị Vũ Thị Trúc M. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ Th (văn bản ủy quyền ngày 07/3/2017):

Ông Nguyễn Văn T. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ M, phường N, thị xã P, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2017 và các lời khai trong quá trình giải

quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2015 ông Khảm Văn T, bà Nguyễn Thị Pha Nh nhiều lần mua nợ phân bón, thuốc trừ sâu của Hộ kinh doanh cá thể (Đại lý phân bón, vật tư nông nghiệp) do ông Nguyễn Văn Th làm chủ hộ. Những lần mua có ký xác nhận nợ vào sổ tay cá nhân của ông Th. Sau khi đối chiếu công nợ, ngày 01/01/2016 bà Nh ký hợp đồng đầu tư phân bón/vật tư nông nghiệp để xác nhận nợ đại lý tổng cộng 140.300.000 đồng, hẹn trả ngày 31/12/2016. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa trả mặc dù ông Th đã đòi rất nhiều lần, do vậy ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà Nh phải trả số tiền 140.300.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Khảm Văn T, bà Nguyễn Thị Pha Nh trình bày:

Ông T, bà Nh thừa nhận có mua nợ phân bón và thuốc trừ sâu của đại lý phân bón vật tư nông nghiệp do ông Th làm chủ; thừa nhận mỗi lần mua nợ có ký xác nhận nợ vào sổ tay của ông Th; thừa nhận chữ ký và chữ viết phía dưới của hợp đồng 01/01/2016 là của bà Nh. Tuy nhiên ông T, bà Nh không thừa nhận còn nợ số tiền 140.300.000đ; chỉ thừa nhận còn nợ khoảng 70.000.000 đồng. Ông T, bà Nh cho rằng đầu năm 2016 bà Th đưa tờ giấy cho bà Nh ký và nói là ký chốt nợ, bà Nh nghĩ ký để chốt nợ số tiền 70.000.000 đồng nên đã ký.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ Th, anh Nguyễn Thành Đ, chị Nguyễn Lan A và chị Vũ Thị Trúc Mtrình bày:

Họ là thành viên trong hộ gia đình do ông Nguyễn Văn Th làm chủ, tuy nhiên mọi hoạt động kinh doanh và những giao dịch liên quan đến Hộ kinh doanh cá thể đều do cá nhân ông Th quyết định. Họ không tham gia giao dịch mua bán với ông T, bà Nh cũng không liên quan gì đến số tiền 140.300.000 đồng. Do vậy, trong vụ án này họ không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn thừa nhận còn nợ khoảng 70.000.000 đồng tiền gốc và 7.000.000 đồng tiền lãi và chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền 77.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 420, Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Hộ kinh doanh cá thể (Đại lý phân bón, vật tư nông nghiệp) do ông Nguyễn Văn Th làm chủ có đăng ký kinh doanh. Ông Th khởi kiện yêu cầu ông T, bà Nh phải trả tiền mua nợ hàng hóa của đại lý. Ông T, bà Nh là cá nhân không đăng ký kinh doanh, cư trú tại tổ M, phường N, thị xã P, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35;

khoản 1 Điều 39 thì đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đắk Nông.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 140.300.000 đồng:

Ông Th cho rằng ông T, bà Nh có mua nợ phân bón và thuốc trừ sâu của đại lý. Ngày 01/01/2016 bà Nh ký chốt nợ tổng số tiền 140.300.000đ, hạn trả ngày 31/12/2016 nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Ông T, bà Nh thừa nhận có mua nợ đại lý do ông Th làm chủ phân bón và thuốc trừ sâu, hiện tại còn nợ khoảng 70.000.000 đồng tiền gốc và 7.000.000 đồng tiền lãi nên đồng ý trả cho ông Th số tiền 77.000.000 đồng. Ngoài ra ông T, bà Nh cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết phía bên mua của hợp đồng ngày 01/01/2016 là của bà Nh, nhưng lại không thừa nhận còn nợ số tiền 140.300.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã yêu cầu ông T, bà Nh cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhưng ông T, bà Nh không cung cấp được.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định hai bên có xác lập giao dịch mua bán hàng hóa, việc xác nhận nợ số tiền 140.300.000 đồng, thỏa thuận trả ngày 31/12/2016 là có thật và hợp pháp. Đến hạn ông T, bà Nh không trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại khoản 1 Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy yêu cầu khởi kiện của ông Th là có căn cứ, cần chấp nhận.

Khoản 1 Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

“Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm giao tài sản”.

[4] Về án phí: Ông T, bà Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là $(140.300.000đ \times 5\%) = 7.015.000$ đồng; hoàn trả cho ông Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 428; Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Th.

Buộc ông Khảm Văn T, bà Nguyễn Thị Pha Nh phải thanh toán cho Nguyễn Văn Th số tiền 140.300.000 đồng (*một trăm bốn mươi triệu ba trăm nghìn*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Khảm Văn T, bà Nguyễn Thị Pha Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.015.000 đồng (*bảy triệu không trăm mười lăm nghìn*).

Ông Nguyễn Văn Th được nhận lại 3.750.000 đồng (*ba triệu bảy trăm năm*

mười nghìn) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001257 ngày 21/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Đắk Nông.

Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thắm